

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình trên địa bàn huyện Kon Rẫy

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 377/TTr-STNMT ngày 12/11/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình trên địa bàn huyện Kon Rẫy (*chi tiết có phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Kon Rẫy và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT-KTN4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Signature]*  
**Nguyễn Hữu Hải**



### PHỤ LỤC

#### **Giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình trên địa bàn huyện Kon Rẫy**

(Kèm theo Quyết định số 1211 /QĐ-UBND ngày 24 /11/2015 của UBND tỉnh)

#### **1. Công trình: Lòng hồ thủy điện Đăk Pô ne 2AB**

- Giá đất trồng lúa 02 vụ tại xã Đăk Pô ne là: 37.500 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 1,5.
- Giá đất ruộng còn lại tại xã Đăk Pô ne là: 24.000 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 1,5.
- Giá đất trồng cây hàng năm khác tại xã Đăk Pô ne là: 11.500 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 1,64.
- Giá đất trồng cây lâu năm tại xã Đăk Pô ne là: 11.500 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 1,64.
- Giá đất trồng nuôi trồng thủy sản tại xã Đăk Pô ne là: 19.500 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 1,5.

#### **2. Công trình thủy điện Đăk Bla 1 (giai đoạn 2)**

- Giá đất ở nông thôn các khu dân cư còn lại tại thôn 9, 12 xã Đăk Ruồng là: 150.000 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 3,0.
- Giá đất ở nông thôn các khu dân cư còn lại tại thôn 8, 10, 13 xã Đăk Ruồng là: 120.000 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 3,0.
- Giá đất ở nông thôn các khu dân cư còn lại tại thôn 11, 14 xã Đăk Ruồng là: 90.000 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 3,0.
- Giá đất ở nông thôn các khu dân cư còn lại tại thôn 1, 2, 4, 7, 8, 9, 10 xã Đăk Tô Re là: 120.000 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 3,0.
- Giá đất ở nông thôn các khu dân cư còn lại tại thôn 3, 5, 6, 11, 12 xã Đăk Tô Re là: 90.000 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 3,0.
- Giá đất trồng lúa 02 vụ tại các xã Đăk Ruồng và Đăk Tô Re là: 39.000 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 1,5.
- Giá đất ruộng còn lại tại các xã Đăk Ruồng và Đăk Tô Re là: 27.000 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 1,5.
- Giá đất trồng cây hàng năm khác tại các xã Đăk Ruồng và Đăk Tô Re là: 13.200 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 1,65.
- Giá đất trồng cây lâu năm tại các xã Đăk Ruồng và Đăk Tô Re là: 13.200 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 1,65.
- Giá đất nuôi trồng thủy sản tại các xã Đăk Ruồng và Đăk Tô Re là: 22.500 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 1,5.
- Giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở, nằm xen kẽ trong khu vực đất ở nông thôn tại các xã Đăk Ruồng và Đăk Tô Re là: 30.000 đồng/m<sup>2</sup>, hệ số điều chỉnh là 2,5.